

Số: 263 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ hưởng chính sách đào tạo
sau đại học đối với công chức, viên chức

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Tây Ninh; Hướng dẫn số 2895/HD-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 22 tháng 09 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Đề án phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 872/TTr-SNV ngày 27 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng ý cho 94 công chức, viên chức đã trúng tuyển và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí hỗ trợ hưởng chính sách đào tạo sau đại học được chi từ nguồn kinh phí đào tạo do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ quản lý; mức chi

theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Học phí và các chi phí bắt buộc theo thông báo của cơ sở đào tạo.
- Mức hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành khoá đào tạo:
 - + Chuyên khoa cấp II ngành Y tế: 100.000.000 đồng/người/khoá;
 - + Chuyên khoa cấp I ngành Y: 80.000.000 đồng/người/khoá;
 - + Thạc sĩ: 80.000.000 đồng/người/khoá.

Điều 3. Trách nhiệm của các ông, bà có tên theo danh sách tại Điều 1 thực hiện đúng quy định về đào tạo cán bộ, công chức, viên chức; quy chế của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia khóa học; đền bù chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 20 Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTC Tỉnh ủy;
- LĐVP;
- Phòng NC;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Thanh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 263 /QĐ-UBND, ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm thuộc cơ quan/ đơn vị công tác	Trình độ đào tạo	Danh mục ngành nghề đào tạo SDH (năm)	Thời điểm trúng tuyển	Chuyên ngành tham gia đào tạo	Chuyên ngành theo danh mục đào tạo sau đại học	Cơ sở đào tạo	Phù hợp với vị trí việc làm	Viên chức	Số tiền	Ghi chú
Tổng kinh phí												7.820.000.000	
I. Số Tài Nguyên và Môi Trường												1.120.000.000	
1	Nguyễn Thị Yến Trinh	06/5/1987	Phó Trưởng phòng Quản lý đất đai thuộc Sở TN&MT	Thạc sĩ	2024	29/8/2024	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Trường Đại học Nông lâm Tp.HCM	x		80.000.000	
2	Mai Hoài Hiếu	08/7/1992	Phó Trưởng phòng Quản lý đất đai thuộc Sở TN&MT	Thạc sĩ	2024	29/08/2024	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Trường Đại học Nông lâm Tp.HCM	x		80.000.000	
3	Châu Việt Thanh	01/01/1988	Chuyên viên phòng Quản lý đất đai thuộc Sở TN&MT	Thạc sĩ	2024	29/08/2024	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Trường Đại học Nông lâm Tp.HCM	x		80.000.000	
4	Lê Trọng Nghĩa	29/11/1993	Chuyên viên phòng Quản lý đất đai thuộc Sở TN&MT	Thạc sĩ	2024	29/08/2024	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Trường Đại học Nông lâm Tp.HCM	x		80.000.000	
5	Phan Trung Thương	19/09/1988	Đo đạc bản đồ viên hạng III Văn phòng Đăng ký đất đai - CN Hoà Thành thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh	Thạc sĩ	2024	29/08/2024	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Trường Đại học Nông lâm Tp.HCM	x	x	80.000.000	
6	Đinh Hữu Lưu	04/01/1984	Địa chính viên hạng III Văn phòng Đăng ký đất đai - CN Dương Minh Châu thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh	Thạc sĩ	2024	29/08/2024	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Trường Đại học Nông lâm Tp.HCM	x	x	80.000.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm thuộc cơ quan/ đơn vị công tác	Trình độ đào tạo	Danh mục ngành nghề đào tạo SDH (năm)	Thời điểm trúng tuyển	Chuyên ngành tham gia đào tạo	Chuyên ngành theo danh mục đào tạo sau đại học	Cơ sở đào tạo	Phù hợp với vị trí việc làm	Viên chức	Số tiền	Ghi chú
* Chuyên khoa II ngành Y tế: 01 trường hợp												1.500.000.000	
1	Nguyễn Thị Kim Lan	19/11/1984	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Quản trị, Bệnh viện Y được cổ truyền Tây Ninh	CKII	2024	18/09/2024	Tổ chức Quản lý y tế	Tổ chức Quản lý y tế	Trường Đại học Y tế Công cộng Hà Nội	x	x	100.000.000	
* Bác sĩ Chuyên khoa II ngành Y tế: 14 trường hợp													
1	Phạm Thị Ngọc Thảo	04/01/1983	Phó Giám đốc, Trung tâm Y tế huyện Dương Minh Châu	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
2	Lê Thị Phương Thanh	03/07/1983	Phó Giám đốc, Trung tâm Y tế huyện Tân Biên	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
3	Huỳnh Thị Thảo	15/06/1983	Trưởng khoa Nhiễm, Trung tâm Y tế huyện Tân Biên	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
4	Phan Minh Tú	12/01/1990	Phó Giám đốc, BS Hạng III, Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
5	Trần Thanh Hà	14/01/1981	Phó Giám đốc, Trung tâm Y tế huyện Tân Châu	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
6	Nhữ Vĩnh Liêm	12/11/1985	Trưởng khoa Nội A- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
7	La Đức Huy	08/10/1992	Phó Trưởng khoa Nội Tổng hợp (Nội B)- Bs hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm thuộc cơ quan/ đơn vị công tác	Trình độ đào tạo	Danh mục ngành nghề đào tạo SDH (năm)	Thời điểm trúng tuyển	Chuyên ngành tham gia đào tạo	Chuyên ngành theo danh mục đào tạo sau đại học	Cơ sở đào tạo	Phù hợp với vị trí việc làm	Viên chức	Số tiền	Ghi chú
8	Trịnh Thanh Sơn	07/08/1989	BS hạng III - Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
9	Lâm Duy Tấn	31/01/1989	Trưởng khoa HSTCCĐ- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
10	Trần Lâm Nguyệt Thanh	25/11/1990	Phó Trưởng khoa HSTCCĐ- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
11	Tiểu Văn Cường	23/04/1980	Khoa HSTCCĐ- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
12	Ngô Tấn Khương	20/08/1969	Phó Trưởng khoa Nhiễm- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
13	Tôn Văn Ly	11/3/1988	Phó Trưởng khoa Cấp cứu- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKII	2024	08/08/2024	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	100.000.000	
14	Nguyễn Thành Trung	11/07/1986	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	CKII	2023	01/11/2023	Chấn thương chỉnh hình	Chấn thương chỉnh hình	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	x	x	100.000.000	
* Bác sĩ chuyên khoa I: 63 trường hợp + Thạc sĩ: 02 trường hợp												5.200.000.000	
1	Huỳnh Công Luận	18/11/1996	Khoa Ngoại CTCH- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	06/11/2024	Chấn thương chỉnh hình	Chấn thương chỉnh hình	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	
2	Phạm Nguyễn Khánh Hiền	05/09/1982	Khoa Ngoại tổng hợp- BS hạng III, Khoa Ngoại Tổng hợp - Trung tâm Y tế huyện Tân Châu	CKI	2024	08/8/2024	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm thuộc cơ quan/ đơn vị công tác	Trình độ đào tạo	Danh mục ngành nghề đào tạo SDH (năm)	Thời điểm trúng tuyển	Chuyên ngành tham gia đào tạo	Chuyên ngành theo danh mục đào tạo sau đại học	Cơ sở đào tạo	Phù hợp với vị trí việc làm	Viên chức	Số tiền	Ghi chú
3	Trần Thị Ngọc Hiếu	19/9/1996	Khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp - Bác sĩ hạng III, Trung tâm Y tế huyện Dương Minh Châu	CKI	2024	08/8/2024	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
4	Nguyễn Thành Ngõn	28/06/1987	Bác sĩ, Phó Trưởng Khoa Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh	CKI	2024	20/9/2024	Lao và Bệnh phổi	Lao và Bệnh phổi	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
5	Lê Sĩ Trung	21/10/1991	Bác sĩ Khoa Hồi sức cấp cứu, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh	CKI	2024	06/11/2024	Lao	Lao	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	
6	Nguyễn Thị Ngọc Bích	21/4/1984	Phó Trưởng khoa Khám và quản lý sức khỏe cán bộ- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
7	Nguyễn Hoàng Giang	23/8/1986	Khoa Khám và quản lý sức khỏe cán bộ- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
8	Lâm Quốc Phong	16/01/1983	Khoa Nội Tổng hợp (Nội B)- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
9	Võ Hoài Phong	01/7/1996	Khoa Nội Tổng hợp (Nội B)- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
10	Nguyễn Ngọc Kỳ Duyên	01/9/1997	Khoa Nội Tổng hợp (Nội B)- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
11	Trương Thị Mỹ Loan	25/5/1985	Khoa Khám bệnh- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm thuộc cơ quan/ đơn vị công tác	Trình độ đào tạo	Danh mục ngành nghề đào tạo SDH (năm)	Thời điểm trúng tuyển	Chuyên ngành tham gia đào tạo	Chuyên ngành theo danh mục đào tạo sau đại học	Cơ sở đào tạo	Phù hợp với vị trí việc làm	Viên chức	Số tiền	Ghi chú
12	Vũ Thị Yến Cơ	02/9/1988	Khoa Khám bệnh- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
13	Trần Minh Hòa	27/11/1985	Khoa HSTCCĐ- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
14	Nguyễn Như Ý	29/03/1994	Khoa Cấp cứu- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
15	Mai Hữu Lợi	16/10/1995	Khoa Cấp cứu- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
16	Ngô Trọng Nghĩa	28/4/1995	Khoa Nội Tổng hợp (Nội B)- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	06/11/2024	Thần kinh	Nội	Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh		x	80.000.000	
17	Nguyễn Hà Huy Hạnh	15/06/1985	Phó Trưởng khoa Khám bệnh - LCK, Trung tâm Y tế huyện Tân Biên	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
18	Nguyễn Hoài Nhân	26/05/1983	Phó Trưởng khoa Nhiễm, Trung tâm Y tế huyện Tân Biên	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
19	Vũ Thị Doan	14/08/1991	Khoa Nội TH - Nhi, Trung tâm Y tế Thị xã Trảng Bàng	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
20	Nguyễn Thị Hồng Dung	13/06/1987	Phó Trưởng Khoa HSCC, Trung tâm Y tế Thị xã Trảng Bàng	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm thuộc cơ quan/ đơn vị công tác	Trình độ đào tạo	Danh mục ngành nghề đào tạo SDH (năm)	Thời điểm trúng tuyển	Chuyên ngành tham gia đào tạo	Chuyên ngành theo danh mục đào tạo sau đại học	Cơ sở đào tạo	Phù hợp với vị trí việc làm	Viên chức	Số tiền	Ghi chú
21	Trần Nhật Thịnh	27/03/1986	Khoa HSCC, Trung tâm Y tế Thị xã Trảng Bàng	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
22	Trần Trọng Vi	26/05/1980	Bác sĩ, Phó Trưởng Khoa Khám bệnh - Chi đạo tuyến, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
23	Phan Thị Diễm Thúy	13/03/1993	Bác sĩ, Nhân viên Khoa Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
24	Huỳnh An Cư	15/8/1976	Khoa Nội Tổng hợp- BS hạng III, Khoa Nội Tổng hợp - Trung tâm Y tế huyện Tân Châu	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
25	Lê Thị Cúc Hiền.	10/02/1982	Phó phòng Kế hoạch nghiệp vụ- BS hạng III, Phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Trung tâm Y tế huyện Tân Châu	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
26	Dương Hoàng Thông	10/10/1989	Khoa Hồi sức Cấp cứu- BS hạng III, Khoa Hồi sức cấp cứu - Trung tâm Y tế huyện Tân Châu	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
27	Hoàng Ngọc Trường	06/11/1980	Phó Trưởng khoa Hồi sức Cấp cứu- BS hạng III, Khoa Hồi sức cấp cứu - Trung tâm Y tế huyện Tân Châu	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
28	Ngô Thị Vân	10/8/1985	Phó Trưởng khoa khám liên chuyên khoa-BS hạng III, Khoa Khám Liên chuyên khoa - Trung tâm Y tế huyện Tân Châu	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
29	Lê Nguyễn Nguyệt Anh	23/07/1985	Trạm y tế Tân Hưng- BS hạng III, Trạm Y tế Tân Hưng - Trung tâm Y tế huyện Tân Châu	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm thuộc cơ quan/ đơn vị công tác	Trình độ đào tạo	Danh mục ngành nghề đào tạo SDH (năm)	Thời điểm trúng tuyển	Chuyên ngành tham gia đào tạo	Chuyên ngành theo danh mục đào tạo sau đại học	Cơ sở đào tạo	Phù hợp với vị trí việc làm	Viên chức	Số tiền	Ghi chú
30	Lê Văn Siêng	08/02/1985	Phó trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ, Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
31	Trần Thị Mộng Trinh	06/08/1989	Khoa khám bệnh-Liên chuyên khoa, Trung tâm Y tế Thành phố Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
32	Trần Minh Thư	05/11/1996	Khoa khám bệnh-Liên chuyên khoa, Trung tâm Y tế Thành phố Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
33	Nguyễn Thị Trinh	01/01/1985	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS-Y tế công cộng và Dinh dưỡng-An toàn thực phẩm, Trung tâm Y tế Thành phố Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
34	Dương Thị Bích Chi	10/09/1988	Phó trưởng khoa Khám bệnh - Liên Chuyên khoa, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
35	Nguyễn Thị Kim Hoa	09/08/1986	Khoa Hồi sức cấp cứu, Trung tâm Y tế thị xã Hòa Thành	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
36	Nguyễn Thị Thủy Hằng	10/02/1981	Khoa Hồi sức cấp cứu, Trung tâm Y tế thị xã Hòa Thành	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
37	Phan Lê Hoàng Nguyên	15/08/1993	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS - Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Trung tâm Y tế thị xã Hòa Thành	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
38	Nguyễn Ngọc Phương Mai	09/03/1998	khoa Khám bệnh&LCK, BS Hạng III , Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu	CKI	2024	08/8/2024	Nội khoa	Nội	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
39	Nguyễn Thị Thủy Duyên	03/05/1986	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Y tế thị xã Hòa Thành, Trung tâm Y tế thị xã Hòa Thành	CKI	2024	08/8/2024	Sản phụ khoa	Sản	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm thuộc cơ quan/ đơn vị công tác	Trình độ đào tạo	Danh mục ngành nghề đào tạo SDH (năm)	Thời điểm trúng tuyển	Chuyên ngành tham gia đào tạo	Chuyên ngành theo danh mục đào tạo sau đại học	Cơ sở đào tạo	Phù hợp với vị trí việc làm	Viên chức	Số tiền	Ghi chú
40	Trương Thị Kiều	25/10/1984	Phó Trưởng trạm Y tế xã Biên Giới, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	CKI	2024	08/8/2024	Sản phụ khoa	Sản	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
41	Nguyễn Hoàng Long	13/7/1990	Khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp, Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	CKI	2024	08/8/2024	Tâm Thần	Tâm Thần	Trường đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
42	Võ Thủy Trang	24/09/1988	Trạm Y tế phường Long Thành Bắc, Trung tâm Y tế thị xã Hòa Thành	CKI	2024	10/10/2024	Tâm thần	Tâm thần	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	x	x	80.000.000	
43	Trần Duy Khiêm	11/12/1991	Khoa Ngoại Thần kinh- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	06/11/2024	Ngoại - Thần kinh và sọ não	Ngoại	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	
44	Lê Phước Trung	06/09/1990	Khoa Giám định - Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh - Giải phẫu bệnh, Trung tâm Pháp y tỉnh Tây Ninh	CKI	2024	08/8/2024	Ngoại khoa	Ngoại	Trường đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
45	Phạm Thị Châu Phương	02/8/1995	Khoa Khám bệnh- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	06/11/2024	Lão khoa	Lão khoa	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	
46	Võ Ngọc Oanh	09/01/1989	Phó trưởng khoa Ngoại tổng hợp, Phụ thuộc Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh	CKI	2024	01/8/2024	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế	x	x	80.000.000	
47	Dương Minh Thành	02/02/1990	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng - Bác sĩ hạng III, Trung tâm Y tế huyện Dương Minh Châu	CKI	2024	08/8/2024	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
48	Nguyễn Võ Khắc Huy	03/11/1994	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	CKI	2023	18/7/2023	Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	
49	Trần Phúc Hữu	03/8/1995	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	CKI	2023	18/7/2023	Chăm sóc giám nhệ	Chăm sóc giám nhệ	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm thuộc cơ quan/ đơn vị công tác	Trình độ đào tạo	Danh mục ngành nghề đào tạo SDH (năm)	Thời điểm trúng tuyển	Chuyên ngành tham gia đào tạo	Chuyên ngành theo danh mục đào tạo sau đại học	Cơ sở đào tạo	Phù hợp với vị trí việc làm	Viên chức	Số tiền	Ghi chú
50	Trương Thiện Tấn	09/10/1995	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	CKI	2023	18/7/2023	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	
51	Nguyễn Đăng Huy	01/06/1995	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	CKI	2023	18/7/2023	Ngoại Khoa	Ngoại Khoa	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	
52	Lưu Thị Thu Hiền	29/6/1989	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	CKI	2023	18/7/2023	Y học gia đình	Y học gia đình	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	
53	Lý Ngọc Phước	28/10/1975	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	CKI	2023	20/9/2023	Nội khoa	Nội khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x	x	80.000.000	
54	Lê Trần Duy	10/10/1993	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	CKI	2023	01/11/2023	Nội tổng quát	Nội tổng quát	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	x	x	80.000.000	
55	Trần Hoàng Nam	19/10/1995	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	CKI	2023	01/11/2023	Nhi khoa	Nhi khoa	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	x	x	80.000.000	
56	Danh Nhân	17/01/1992	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	CKI	2023	01/11/2023	Ngoại tổng quát	Ngoại tổng quát	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	x	x	80.000.000	
57	Lê Thị Thuý Diễm	15/01/1990	Bác sĩ - Trung tâm Y tế huyện Dương Minh	CKI	2023	20/9/2023	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x		80.000.000	
58	Đào Thị Hương	28/08/1986	Trưởng khoa khám bệnh đa khoa- Bệnh viện Y dược cổ truyền	CKI	2023	05/08/2023	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế	x		80.000.000	
59	Trần Ngọc Hữu	17/04/1991	Bác sĩ - Trung tâm Y tế huyện Tân Châu	CKI	2023	07/12/2023	Nội khoa	Nội khoa	Khoa Y - Đại học Quốc gia TP HCM (từ ngày 3/6/2024 đổi tên thành Trường đại học Khoa học sức khỏe)	x		80.000.000	
60	Tạ Thanh Sang	24/11/1989	Bác sĩ - Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh	CKI	2023	20/09/2023	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	x		80.000.000	
61	Nguyễn Tấn Trung	18/10/1995	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	2023	20/7/2023	Nội khoa (lão khoa)	Nội khoa (lão khoa)	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	
62	Hoàng Vũ Trung Thông	15/5/1996	Bác sĩ - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	2023	20.07.2023	Nội khoa	Nội khoa	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	x	x	80.000.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm thuộc cơ quan/ đơn vị công tác	Trình độ đào tạo	Danh mục ngành nghề đào tạo SDH (năm)	Thời điểm trúng tuyển	Chuyên ngành tham gia đào tạo	Chuyên ngành theo danh mục đào tạo sau đại học	Cơ sở đào tạo	Phù hợp với vị trí việc làm	Viên chức	Số tiền	Ghi chú
63	Trần Võ Song Thi	14/02/1993	Khoa Khám bệnh & LCK, BS Hạng III, Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu	CKI	2024	26/07/2024	Nhi khoa	Nhi khoa	Trường Đại học Khoa học Sức khỏe		x	80.000.000	
64	Bùi Thị Thủy Dung	28/05/1993	Khoa Sản- BS hạng III, Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	CKI	2024	26/07/2024	Sân phụ khoa	Sân	Trường Đại học Khoa học Sức khỏe		x	80.000.000	
65	Nguyễn Quốc Huy	24/09/1987	Khoa Ngoại tổng hợp, Trung tâm Y tế thị xã Hòa Thành	CKI	2024	10/12/2024	Ngoại Khoa (Ngoại Tổng quát)	Ngoại	Trường Đại học Khoa học Sức khỏe		x	80.000.000	